PHỤ LỤC
CHỈ TIÊU CHỦ YẾU QUÝ III NĂM 2026

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu thực hiện năm 2026	Kết quả Quý 1	Kết quả Quý II	Kết quả Quý III	Đạt % Quý III	Thực hiện năm 2026	Đạt % NQ
I. Các chỉ tiêu kinh tế (04 chỉ tiêu)									
1	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	22,330	8,000	6,173	4,675	104	18.848	84.4%
2	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn	%	10.17	10.2	10.20	10.20	100.49	10.20	100.30
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	357	180	80	50	56,18	310	86,83%
4	Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia	%	99.95	99.95	99.95	99.95	100.0	100	100%
II. Các chỉ tiêu xã hội (06 chỉ tiêu)									
1	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	78.2	61	78.2	78.2	100	78.2	100%
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	<1	<1	<1	<1	100.0	<1	100%
3	Trường học đạt chuẩn quốc gia	%	71.42	83.33	83.33	83.33	100	83.33	117%
	Tỷ lệ huy động trẻ 6-14 tuổi đến trường	%	99	99.33	99.33	99.33	100	99.33	100%
4	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95.2	80	100	100	105.0	100	105%
5	Lao động trong độ tuổi tham gia BHXH	%	8.15	6.2	6.69	7.18	102.6	7.18	88.10%
	Trong đó: BHXH bắt buộc	%	3.5	3.2	3.02	3.18	106.0	3.18	90.86%
	BHXH tự nguyện	%	4.65	3	3.67	4	100.00	4	86.02%
6	Lao động qua đào tạo	%	73.5	74	71	72	100	72	97.96%
	Giải quyết việc làm	Lao động	500	304	352	294	294%	950	190%
	Tỷ lệ thất nghiệp	%	<3.6		4.2	4	100	4	88.9%
III. Các chỉ tiêu về môi trường (02 chỉ tiêu)									
1	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	%	72	70	70	72	100.0	72	100%
2	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	69	58	69	69	100	69	100%
IV. Các chỉ tiêu về quốc phòng - an ninh (03 chỉ tiêu)									
1	Diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ	Xếp loại	Đạt			Khá	Khá	Khá	Khá
2	Công tác tuyển quân	%	100	100				100	100%
3	Phấn đấu tăng thêm số địa bàn "không ma túy"	ấp	6	6	6	6	100	10	50%